

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 14-01-2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu hủy văn bản công chứng, chứng thực*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu hủy văn bản công chứng, chứng thực*”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 26/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2024; Quyết định ngừng phiên tòa số 189/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 728/TB-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hoàng Văn D**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên lạc: Xóm F, Thôn G, xã L, huyện B. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số G đường P, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 12 năm 2024). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh Đ. Chức vụ: Chủ tịch UBND. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm F, Thôn G, xã L, huyện B. Có mặt.

- Chị **Hoàng Kiều T2**, sinh năm 2001. Địa chỉ: Xóm F, Thôn G, xã L, huyện B. Vắng mặt.

- Cháu **Hoàng Vũ Anh T3**, sinh ngày 14/02/2008. Địa chỉ: Xóm F, Thôn G, xã L, huyện B.

Người đại diện hợp pháp của cháu T3: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1977 và ông Hoàng Văn D, sinh năm 1976. Là những người đại diện theo pháp luật của cháu T3. Cùng địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Do có kháng cáo của: bà Vũ Thị T – Bị đơn.

Do có kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 19/01/1996. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến đầu năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng đến nay vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đề nghị Tòa án cho ông và bà T ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung tên Hoàng Thị N, sinh ngày 30/12/1996; Hoàng Kiều T2, sinh ngày 30/11/2001 và Hoàng Vũ Anh T3, sinh ngày 14/02/2008. Ly hôn, ông đồng ý giao con chung là cháu T3 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Con chung Hoàng

Thị N và Hoàng Kiều T2 đã thành niên và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Gồm:

- Đất và tài sản trên đất diện tích 4.054m² (trong đó có 100m² đất ở và 3.354m² đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 593, tờ bản đồ số 38 cũ (nay là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 46 mới) tại Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 310646 do UBND huyện B cấp cấp ngày 12/7/1999.

- Đất và tài sản trên diện tích 1.798m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 32 cũ (nay là thửa đất số 184, tờ bản đồ số 40 mới) tại Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 959771 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 19/7/2021 (hiện đã được đăng ký biến động sang tên bà Vũ Thị T tại trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ông khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung nêu trên của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu được nhận toàn bộ đất và tài sản trên diện tích đất 4.054m² thuộc thửa đất số 593, tờ bản đồ số 38; giao cho bà T đất và tài sản trên đất diện tích 1.798m² thuộc thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 32 nêu trên.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra ông D còn khởi kiện yêu cầu hủy văn bản chia tài sản chung của giữa ông Hoàng Văn D và bà Vũ Thị T, được UBND xã L chứng thực số 97 quyền số 01TP/CCSCT/HĐGD ngày 11/6/2021. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông D đã rút yêu cầu khởi kiện này.

Bị đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận bà và ông D có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện như ông D trình bày là đúng. Hiện nay cuộc sống chung của bà và ông D mâu thuẫn đã rất trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông D.

Về con chung : Vợ chồng có 03 con chung như ông D trình bày, hiện các con chung Hoàng Thị N và Hoàng Vũ Anh T3 đã thành niên. Ly hôn bà đồng ý trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Vũ Anh T3, sinh ngày 14/02/2008 và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu T3.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu chia thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 32 tại Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vì đây là tài sản riêng của bà. Đối với thửa đất số 593, tờ bản đồ số 38 tại Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

thì bà xác định là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được nhận bằng giá trị của 1.000m² đất nông nghiệp theo giá của Chứng thư thẩm định giá.

Về nợ chung: Không có.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng là ông Vũ Minh Đ trình bày:

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 UBND xã L, huyện B có chứng thực Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của ông Hoàng Văn D và bà Vũ Thị T, số chứng thực 97 quyền số 01TP/CCSCT/HĐGD. Tại thời điểm chứng thực, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, sáng suốt nên UBND xã L, huyện B đã chứng thực Văn bản trên là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các yêu cầu khác của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án thì UBND xã L, huyện B không có ý kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Kiều T2 trình bày:

Trước đây chị N và chị T2 có yêu cầu chia công sức đóng góp trong khối tài sản chung của hộ gia đình nhưng ngày 04/9/2024 chị N và chị T2 rút yêu cầu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 55/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đối với ông Hoàng Văn D về việc tranh chấp “Ly hôn”. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị T và ông Hoàng Văn D.

Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Vũ Anh T3, sinh ngày 14/02/2008 cho bà T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Ông Hoàng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung là cháu Hoàng Thị N, sinh ngày 30/12/1996 và cháu Hoàng Kiều T2, sinh ngày 30/11/2001 đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông D về việc hủy văn bản chia tài sản chung chứng thực ngày 11/6/2021 của UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Về tài sản chung:

- Bà Vũ Thị T được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.726,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 32 cũ (nay là thửa đất số 184, tờ bản đồ số 40 mới) tại Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 959771 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 19/7/2021.

- Ông Hoàng Văn D được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất diện tích theo đo đạc thực tế là 4.066,5m² (trong đó có 100m² đất ở và 3.966,5m² đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 593, tờ bản đồ số 38 cũ (nay là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 46 mới) tại Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 310646 do UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/7/1999 mang tên ông Hoàng Văn D và bà Vũ Thị T; các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quyết định của Bản án này.

(Kèm theo là 02 Họa đồ đo đạc lập ngày 23/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng).

- Buộc ông D phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho T số tiền là 969.275.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà T phải trả lại cho ông D số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và thẩm định giá tài sản là 22.240.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và nghĩa vụ thi hành án

Ngày 01/10/2024, bà T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm buộc ông D phải thanh toán cho bà giá trị tài sản chênh lệch theo chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần T4 ngày 02/4/2024 là: (6.670.256.875 đồng - 3.063.673.500 đồng) : 2 = 1.803.426.000 đồng.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông D phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà T 1.803.426.600 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận ông D thanh toán cho bà T số tiền chênh lệch giá trị tài sản được chia là 1.600.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa,

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận ông D thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà T là 1.600.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm kháng nghị và bà T kháng cáo đều trong thời hạn luật định, thủ tục kháng cáo, kháng nghị được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Đối với kháng cáo của bà T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm thấy rằng: Tại phiên tòa ông D và bà T thỏa thuận ông D thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà T là 1.600.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này; sửa bản án sơ thẩm như ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

[4]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa Bản án số 55/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị T và ông Hoàng Văn D.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông D và bà T cụ thể như sau:

Giao con chung tên Hoàng Vũ Anh T3, sinh ngày 14/02/2008 cho bà T trực

tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu T3.

Các con chung tên Hoàng Thị N, sinh ngày 30/12/1996 và Hoàng Kiều T2, sinh ngày 30/11/2001 hiện đã thành niên và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung:

3.1. Bà T được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.726,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 1740, tờ bản đồ số 32 cũ (nay là thửa đất số 184, tờ bản đồ số 40 mới) tại Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 959771 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 19/7/2021.

3.2. Ông D được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên đất diện tích theo đo đạc thực tế là 4.066,5m² (trong đó có 100m² đất ở và 3.966,5m² đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 593, tờ bản đồ số 38 cũ (nay là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 46 mới) tại Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 310646 do UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/7/1999 đứng tên ông Hoàng Văn D, bà Vũ Thị T.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Kèm theo 02 Họa đồ đo đạc lập ngày 23/3/2022 và 27/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lâm Đồng).

3.3. Ghi nhận sự thỏa thuận: Ông D thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà T số tiền là 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 113.070.526 đồng án phí đối với giá trị phần tài sản được chia; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004085 ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Biên lai thu số 0009530 ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; Ông D còn phải

nộp 76.845.526 (Bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi sáu) đồng tiền án phí.

Bà T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 112.663.673 đồng án phí đối với giá trị phần tài sản được chia; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009695 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; Bà T còn phải nộp 112.438.673 (Một trăm mười hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng tiền án phí.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007237 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TP. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Bảo Lâm;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

